

THÔNG TƯ LIÊN TỊCH
Hướng dẫn quản lý tài chính
Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020

Căn cứ Nghị định số 60/2003/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 20/2013/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Khoa học và Công nghệ;

Thực hiện Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020;

Bộ trưởng Bộ Tài chính, Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành Thông tư liên tịch hướng dẫn quản lý tài chính Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020.

Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

Thông tư này hướng dẫn quản lý tài chính Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia đến năm 2020 (sau đây gọi tắt là Chương trình) theo các nội dung, nhiệm vụ quy định tại Quyết định số 677/QĐ-TTg ngày 10 tháng 5 năm 2011 của Thủ tướng Chính phủ, không bao gồm các nhiệm vụ được xét tài trợ, cho vay, bảo lãnh vốn vay từ các quỹ trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ trong Chương trình và các cơ quan quản lý Chương trình.

Điều 2. Kinh phí thực hiện Chương trình

Kinh phí thực hiện Chương trình được bảo đảm từ các nguồn:

1. Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia;
2. Kinh phí từ ngân sách nhà nước;
3. Kinh phí từ tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp:
 - a) Vốn hợp pháp của tổ chức, cá nhân, doanh nghiệp;
 - b) Quỹ phát triển khoa học và công nghệ của doanh nghiệp;
 - c) Kinh phí đầu tư đổi mới công nghệ của doanh nghiệp.
4. Vốn tín dụng từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam, Ngân hàng Thương mại và các tổ chức tín dụng.
5. Kinh phí từ các nguồn hợp pháp khác.

Điều 3. Nguyên tắc huy động các nguồn kinh phí

1. Các nhiệm vụ thuộc Chương trình cần có phương án huy động các nguồn kinh phí, trong đó nêu đầy đủ nhu cầu theo từng nguồn kinh phí nêu tại Điều 2 của Thông tư này và thuyết minh rõ khả năng huy động kinh phí để thực hiện dự án.

2. Phương án huy động các nguồn kinh phí phải đảm bảo tính khả thi:

- a) Các nguồn kinh phí từ ngân sách nhà nước cần có ý kiến bằng văn bản của cơ quan quản lý nhà nước về nguồn kinh phí đó.
- b) Các nguồn kinh phí ngoài ngân sách phải được các tổ chức tài chính, tín dụng xác nhận.

Điều 4. Nguyên tắc sử dụng kinh phí có nguồn gốc ngân sách nhà nước

1. Ưu tiên và tập trung bố trí đủ kinh phí hỗ trợ từ Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia và kinh phí từ nguồn ngân sách nhà nước cho các nhiệm vụ thuộc Chương trình đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Đối với phần kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước được lập kế hoạch theo loại nguồn vốn và phân kỳ đầu tư cho cả giai đoạn thực hiện; được phân bổ và sử dụng theo tiến độ và cơ cấu trong dự toán của nhiệm vụ đã được phê duyệt. Quy trình lập dự toán, phân bổ, sử dụng và thanh quyết toán kinh phí hỗ trợ từ nguồn ngân sách nhà nước thực hiện theo Luật Ngân sách nhà nước, theo quy định tại Thông tư này và các văn bản có liên quan.

3. Đối với phần kinh phí hỗ trợ từ Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia được thực hiện theo các văn bản hướng dẫn của Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia đảm bảo phù hợp với quy định quản lý tài chính hiện hành.

4. Tổ chức, cá nhân sử dụng kinh phí hỗ trợ có nguồn gốc từ ngân sách nhà nước để thực hiện nhiệm vụ thuộc Chương trình phải đảm bảo đúng mục

đích, đúng chế độ và chịu sự kiểm tra, kiểm soát của cơ quan quản lý có thẩm quyền theo quy định tại Thông tư này và các văn bản có liên quan.

Điều 5. Nguyên tắc sử dụng kinh phí ngoài ngân sách nhà nước

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ thuộc Chương trình có trách nhiệm sử dụng và giải ngân kinh phí ngoài ngân sách nhà nước theo phương án huy động các nguồn kinh phí thực hiện nhiệm vụ đã được phê duyệt.

Chương II

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 6. Nội dung và định mức hỗ trợ, tài trợ cho các nhiệm vụ thuộc Chương trình

1. Đối với nhiệm vụ nghiên cứu khoa học và công nghệ thuộc dự án xây dựng bản đồ công nghệ quốc gia; xây dựng lộ trình công nghệ và lộ trình đổi mới công nghệ cho các ngành, lĩnh vực; xây dựng cơ sở dữ liệu về công nghệ mới, công nghệ tiên tiến, chuyên gia công nghệ, ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí thực hiện nhiệm vụ được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Nội dung và định mức hỗ trợ thực hiện nhiệm vụ thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Đối với nhiệm vụ đào tạo về quản lý công nghệ, quản trị công nghệ và cập nhật công nghệ mới cho kỹ sư, kỹ thuật viên và cán bộ quản lý:

a) Ngân sách nhà nước hỗ trợ tối đa 100% kinh phí cho hoạt động tổ chức đào tạo về quản lý công nghệ, quản trị công nghệ và cập nhật công nghệ mới cho kỹ sư, kỹ thuật viên và cán bộ quản lý trong các đơn vị và tổ chức công lập, tối đa không quá 50% tổng kinh phí cho hoạt động đào tạo đối với các doanh nghiệp, đơn vị và tổ chức ngoài nhà nước. Nội dung và mức chi thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21 tháng 9 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ công chức nhà nước và Thông tư số 05/2011/TTLT-BKHĐT-BTC ngày 31 tháng 3 năm 2011 của liên Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính hướng dẫn trợ giúp đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa.

b) Ngoài các nội dung quy định nêu trên, ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí đi lại, tiền ở, sinh hoạt phí cho chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động đào tạo về quản lý công nghệ, quản trị công nghệ và cập nhật công nghệ mới cho kỹ sư, kỹ thuật viên và cán bộ quản lý doanh nghiệp. Nội dung chi áp dụng theo đối tượng khách hàng C theo quy định tại Thông tư số 01/2010/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2010 của Bộ Tài chính quy định về chế độ chi tiêu đón tiếp khách nước ngoài vào làm việc tại Việt Nam, chi tổ chức các hội nghị, hội thảo quốc tế tại Việt Nam và chi tiếp khách trong nước.

Bộ Khoa học và Công nghệ chịu trách nhiệm về việc lựa chọn chuyên gia nước ngoài tham gia hoạt động đào tạo về quản lý công nghệ, quản trị công nghệ và cập nhật công nghệ mới cho kỹ sư, kỹ thuật viên và cán bộ quản lý.

3. Đối với nhiệm vụ ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ; tạo môi trường cho ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp công nghệ; xây dựng các cơ sở ươm tạo công nghệ, ươm tạo doanh nghiệp khoa học và công nghệ; hỗ trợ các tổ chức, cá nhân, nhóm nghiên cứu tiềm năng hoặc có kết quả nghiên cứu xuất sắc tại các trường đại học, cao đẳng, viện nghiên cứu được thực hiện theo Quyết định số 592/QĐ-TTg ngày 22 tháng 5 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình hỗ trợ phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ và tổ chức khoa học và công nghệ công lập thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

4. Đối với nhiệm vụ hỗ trợ đầu tư sản xuất sản phẩm theo công nghệ mới, công nghệ tiên tiến; đổi mới công nghệ cho ngành nghề, làng nghề truyền thống, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong nông nghiệp.

a) Hỗ trợ tối đa 50% tổng mức kinh phí đầu tư (không bao gồm giá trị còn lại hoặc chi phí khấu hao trang thiết bị, nhà xưởng đã có vào tổng mức kinh phí đầu tư) thực hiện hoạt động sản xuất thử nghiệm. Đối với các dự án sản xuất thử nghiệm trong lĩnh vực nông nghiệp triển khai trên địa bàn có điều kiện kinh tế xã hội khó khăn theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ được hỗ trợ tối đa đến 70% tổng mức kinh phí đầu tư toàn bộ dự án. Nội dung hỗ trợ thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 22/2011/TTLT-BTC-BKHCN ngày 21 tháng 02 năm 2011 hướng dẫn quản lý tài chính đối với các dự án sản xuất thử nghiệm được ngân sách nhà nước hỗ trợ kinh phí và quy định của Thông tư này.

b) Hỗ trợ tối đa 50% công lao động cho cán bộ khoa học, nhân viên kỹ thuật trực tiếp thực hiện nội dung đánh giá, định giá công nghệ; nghiên cứu, đổi mới, hoàn thiện các quy trình công nghệ, giải pháp khoa học và công nghệ; thử nghiệm, phân tích, kiểm tra, đánh giá chất lượng sản phẩm đến khi hoàn thành sản phẩm lô số không.

c) Hỗ trợ tối đa 30% kinh phí mua vật tư, nguyên liệu, nhiên liệu, thiết bị đo kiểm, phân tích trong quá trình thử nghiệm và sản xuất sản phẩm lô số không của dây chuyền công nghệ. Riêng đối với các nhiệm vụ trong lĩnh vực nông nghiệp triển khai trên địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn theo Quyết định số 30/2007/QĐ-TTg ngày 05 tháng 3 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ, áp dụng mức hỗ trợ tối đa đến 50%.

d) Hỗ trợ một phần hoặc toàn bộ kinh phí cho các hoạt động chuyển giao công nghệ trong các nhiệm vụ thuộc Chương trình theo quy định tại Điều 7, Điều 12 và Điều 18 của Luật Chuyển giao công nghệ. Mức hỗ trợ được thực hiện theo văn bản hướng dẫn quản lý chế độ quản lý tài chính của Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia.

đ) Nguồn kinh phí thực hiện các nhiệm vụ và nội dung nêu tại điểm a, b, c và d khoản 4 này ưu tiên, tập trung bố trí từ Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia.

5. Đối với nhiệm vụ nghiên cứu, làm chủ, ứng dụng công nghệ tiên tiến trong sản xuất sản phẩm chủ lực, sản phẩm trọng điểm, sản phẩm quốc gia; tìm kiếm, phát hiện, làm chủ và ứng dụng công nghệ nguồn, công nghệ cốt lõi; nghiên cứu, sản xuất thử nghiệm, ứng dụng công nghệ tiên tiến, sản xuất sản phẩm mới, thay đổi quy trình công nghệ.

a) Hỗ trợ tối đa 100% kinh phí để thực hiện đề tài nghiên cứu làm chủ, phát triển và tạo ra công nghệ bao gồm: nghiên cứu thích nghi, làm chủ công nghệ nhập khẩu, công nghệ được chuyển giao, hoàn thiện công nghệ, giải mã công nghệ, khai thác sáng chế, tạo ra công nghệ mới; các hoạt động nghiên cứu và phát triển công nghệ có kết quả ứng dụng mang lại hiệu quả cao về kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, môi trường.

b) Hỗ trợ kinh phí để thực hiện các nội dung sau:

- Mua quyền sở hữu, quyền sử dụng công nghệ; giống cây trồng, vật nuôi; thiết bị, tài liệu kỹ thuật, thông tin sở hữu trí tuệ; mua phần mềm phục vụ nghiên cứu, thiết kế, mô phỏng; nhập khẩu công nghệ, máy móc thiết bị, sản phẩm mẫu để nghiên cứu, làm chủ, phát triển và tạo ra công nghệ theo hợp đồng đã ký kết; được hỗ trợ chuyển giao công nghệ theo quy định tại Điểm d, Khoản 4, Điều này.

- Tìm kiếm thông tin về công nghệ, bí quyết công nghệ; thuê chuyên gia tư vấn trong nước và nước ngoài để phân tích, đánh giá, định giá công nghệ và tham gia thực hiện nhiệm vụ;

c) Kinh phí hỗ trợ thực hiện được ưu tiên, tập trung bố trí từ Quỹ đổi mới công nghệ quốc gia.

6. Đối với các dự án xây dựng hệ thống phòng thí nghiệm hạ tầng; dự án đầu tư tăng cường tiềm lực cho các Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tại địa phương.

a) Đối với các dự án xây dựng hệ thống phòng thí nghiệm hạ tầng được thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành về lập, xây dựng, phê duyệt và thực hiện dự án đầu tư phát triển trong lĩnh vực khoa học và công nghệ.

b) Đối với các dự án đầu tư tăng cường tiềm lực cho các Trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ tại các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương được thực hiện theo hướng dẫn tại Quyết định số 317/QĐ-TTg ngày 15 tháng 3 năm 2012 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Đề án nâng cao năng lực của trung tâm ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ, trung tâm kỹ thuật tiêu chuẩn đo lường chất lượng thuộc các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các văn bản hướng dẫn thực hiện.

Điều 7. Nội dung chi ngân sách nhà nước cho hoạt động chung của Chương trình

1. Chi hoạt động của Ban chỉ đạo Chương trình đổi mới công nghệ quốc gia (sau đây viết tắt là Ban chỉ đạo):

a) Chi tổ chức các cuộc họp định kỳ, đột xuất của Ban chỉ đạo;